

Bản án số: 07/2018/DS-PT
Ngày: 11-01-2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Anh

Ông Ngô Hà Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ H - sinh năm 1980; cư trú tại phường G, quận K, TP Đà Nẵng. Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trương Công Nguyễn Anh P - sinh năm 1972; cư trú tại quận C, TP Đà Nẵng. Là Luật sư của Văn phòng luật sư P & Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Ông P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

- Bị đơn: Anh Trà Duy P - sinh năm 1992; cư trú tại phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng. Anh P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

3. Người kháng cáo: Bà Trần Thị Lệ H – Là nguyên đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

** Nguyên đơn là bà Trần Thị Lệ H trình bày:*

Ngày 22.01.2015, ông Trà Duy P có vay bà H số tiền 300.000.000đ lãi suất theo thỏa thuận hai bên. Ông P có viết 01 giấy cam kết trong vòng 06 tháng sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ, nếu không trả thì ông P sẽ bàn giao hết tài sản cho bà kể từ ngày viết giấy. Mức lãi suất thỏa thuận hai bên không ghi trong giấy thỏa thuận nhưng thực tế hai bên thỏa thuận miệng là 01%/01 tháng.

Để đảm bảo cho việc bàn giao tài sản trong trường hợp không trả được nợ thì ngày 06.02.2015, tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến, ông P và bà có ký 01 hợp đồng ủy quyền có nội dung: ông P ủy quyền cho bà được thay mặt và nhân dân ông P liên hệ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để thực hiện một số công việc quy định tại Điều 1 đối với lô đất diện tích 150 m² có số thửa 153, tờ bản đồ số 10 tại phường M, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng.

Trước khi đến hạn hợp đồng vài ngày (ngày 22.7.2015), ông P có đến nhà bà nói là không có khả năng trả nợ và đưa cho bà bản chính 01 Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trà Văn Mực, bà Phạm Thị Tho và ông Trà Duy P có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường M ngày 21.5.2001 về việc chuyển nhượng lô đất có diện tích 150 m² của thửa đất số 153, tờ bản đồ số 10, kèm theo là sơ đồ vị trí khu đất xin chuyển nhượng quyền sử dụng và khoản tiền lãi 1.000.000đ. Từ đó đến nay, bà nhiều lần yêu cầu ông P có nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi nhưng ông P không thanh toán như đã hứa.

Do đó, bà khởi kiện, yêu cầu ông Trà Duy P có nghĩa vụ thanh toán:

- Tiền gốc: 300.000.000đ

- Tiền lãi:

+ Lãi trong hạn: thời hạn là 06 tháng (từ ngày 22.01.2015-22.7.2015), mức lãi suất là 01%/tháng, cụ thể: 300.000.000đ x 06 tháng x 01%/01 tháng = 18.000.000 đ

+ Lãi quá hạn: thời hạn là 25 tháng 22 ngày (từ ngày 23.7.2015-14.9.2017), mức lãi suất 1,5%/tháng, cụ thể: $300.000.000 \text{ đ} \times 25 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} \times 1,5\%/01 \text{ tháng} = 115.800.000 \text{ đ}$ (một trăm mười lăm triệu tám trăm ngàn đồng)

Tổng tiền lãi trong hạn và quá hạn là: $18.000.000 \text{ đ} + 115.800.000 \text{ đ} = 133.800.000 \text{ đ}$. Do ông P đã trả 1.000.000 đ tiền lãi nên bà yêu cầu ông P thanh toán số tiền lãi là: $133.800.000 \text{ đ} - 1.000.000 \text{ đ} = 132.800.000 \text{ đ}$.

Tổng số tiền gốc và lãi bà yêu cầu ông P có nghĩa vụ thanh toán là: $300.000.000 \text{ đ} + 132.800.000 \text{ đ} = 432.800.000 \text{ đ}$.

Trong trường hợp ông P không trả tiền nợ thì bà yêu cầu Tòa án buộc trong bản án ông P có nghĩa vụ chuyển giao tài sản là diện tích đất 150 m² của thửa số 153, tờ bản đồ số 10 tại phường M, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng cho bà.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Trương Công Nguyễn Anh P bày:*

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã thể hiện rõ tại đơn khởi kiện cũng như ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Tòa án buộc ông Trà Duy P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Lệ H số tiền còn nợ 300.000.000 đ (nợ gốc) + 132.800.000 đ (nợ tiền lãi) = 432.800.000 đ.

Trong trường hợp ông Trà Duy P không trả tiền nợ thì yêu cầu Tòa án buộc trong bản án ông Trà Duy P có nghĩa vụ chuyển giao tài sản là diện tích đất 150 m² của thửa số 153, tờ bản đồ số 10 tại phường M, quận C, TP Đà Nẵng cho bà Trần Thị Lệ H.

* Bị đơn là ông Trà Duy P không đến Tòa án cấp sơ thẩm để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30.5.2017, không tham gia phiên hòa giải vào ngày 21.6.2017, phiên đối chất ngày 21.6.2017 mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hòa giải và quyết định đối chất.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quyết định:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H.

- Buộc ông Trà Duy P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Lệ H số tiền còn nợ là 399.350.000 đ. Trong đó có 300.000.000 đ tiền gốc và 99.350.000 đ tiền lãi tính đến hết ngày 14.9.2017.

- Không chấp nhận số tiền lãi mà bà Trần Thị Lệ H yêu cầu là 33.450.000đ.
- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H về việc buộc ông Trà Duy P phải chuyển giao tài sản là diện tích đất 150 m² của thửa số 153, tờ bản đồ số 10 tại phường M, quận C, TP Đà Nẵng cho bà Trần Thị Lệ H.
- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, bà Trần Thị Lệ H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Hội đồng xét cấp sơ thẩm đã không xem xét, đánh giá đúng bản chất sự thật vụ án, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tại Bản tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đề ngày 05 tháng 01 năm 2018 gửi đến Tòa án ngày 10 tháng 01 năm 2018, bà Trần Thị Lệ H trình bày:

(i) Đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc ông Trà Duy P trả khoản tiền gốc vay là 300.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tiền lãi bà yêu cầu buộc ông P trả lãi suất theo yêu cầu khởi kiện của bà. Tổng số tiền buộc ông P phải trả cho bà là: 430.500.000đ, trong đó: 300.000.000đ là tiền vay gốc, 18.000.000đ là tiền lãi vay trong hạn và 112.500.000đ là lãi vay quá hạn;

(ii) Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thỏa thuận giữa bà và ông P về việc được nhận tài sản là Quyền sử dụng đất đối với lô đất có số thửa 153, tờ bản đồ số 10, phường M, quận C, thành phố Đà Nẵng – tài sản hình thành trong tương lai mà ông P đã định đoạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: kháng cáo của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H là người kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trà Duy P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

II. Về nội dung vụ án.

[1] Về khoản tiền vay:

[1.1] Theo “Giấy thỏa thuận hai bên” viết ngày 22.01.2015 ông Trà Duy P vay của bà Trần Thị Lệ H số tiền 300.000.000đ, cam kết trả trong thời gian 06 tháng. Việc ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp, qua đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[1.2] Do ông P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà Trần Thị Lệ H khởi kiện và Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H buộc ông P phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Lệ H số tiền 300.000.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Về khoản tiền lãi:

[2.1] Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H khai nhận bên thỏa thuận mức lãi suất là 1%/01 tháng. Tuy nhiên, Giấy thỏa thuận hai bên viết ngày 22.01.2015 thể hiện “*lãi suất thỏa thuận hai bên*” mà không ghi cụ thể mức lãi suất là bao nhiêu. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, buộc ông Trà Duy P có trách nhiệm trả lãi trong hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 9%/năm (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29.11.2010) và lãi suất quá hạn là $(9\%/năm \times 150\%) = 1,125\%$ là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về thời gian tính lãi trong hạn là 06 tháng kể từ ngày vay tiền 22.01.2015 đến 22.7.2015 và thời gian tính lãi quá hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 23.7.2015 đến ngày xét xử sơ thẩm 14.9.2017 là 25 tháng 22 ngày là đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Số tiền lãi ông Trà Duy P phải trả cho bà Trần Thị Lệ H là: (i) lãi trong hạn $300.000.000đ \times 06 \text{ tháng} \times 09\% / 12 \text{ tháng} = 13.500.000đ$; lãi quá hạn $300.000.000đ \times 25 \text{ tháng} 22 \text{ ngày} \times 1,125\% / 01 \text{ tháng} = 86.850.000đ$; (iii) Tổng cộng tiền lãi là 100.350.000 đ. Do ông P đã trả 1.000.000đ tiền lãi nên số tiền lãi ông P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Lệ H là: 99.350.000đ.

[2.4] Như vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc ông P có nghĩa vụ thanh toán cho bà H cả gốc và lãi là: $300.000.000đ + 99.350.000đ = 399.350.000đ$ là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà H về yêu cầu tính tiền lãi vay trong hạn 18.000.000đ và là tiền và lãi vay quá hạn là 112.500.000đ.

[3] Giấy thỏa thuận hai bên ngày 22.01.2015, ông P cam kết “*sẽ bàn giao hết tài sản*” cho bà H “*kể từ ngày viết giấy*”, nhưng không đề cập tài sản cụ thể nào sẽ bàn giao. Hợp đồng ủy quyền ngày 06.02.2015 giữa bà H và ông P có xác nhận của Văn phòng công chứng Ngọc Yến ngày 06.02.2015 cũng không có điều khoản nào liên quan đến vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà H, ông P. Bà H và ông P không tranh chấp hợp đồng ủy quyền này. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc trường hợp ông P không trả được nợ thì buộc ông P có nghĩa vụ chuyển giao tài sản là diện tích đất 150 m² của thửa số 153, tờ bản đồ số 10 tại phường M, quận C, TP Đà Nẵng cho bà là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà H đối với vấn đề này.

[4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thị Lệ H là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa, áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Lệ H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Ông Trà Duy P phải chịu án phí là: 19.967.500đ (*mười chín triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng*);

Bà Trần Thị Lệ H phải chịu án phí là $300.000đ + 1.672.500đ = 1.972.500đ$.

[4.2] Án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Trần Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Lệ H. Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H.

- Buộc ông Trà Duy P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị Lệ H số tiền còn nợ là 399.350.000đ (*Ba trăm chín mươi chín triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó có 300.000.000đ tiền gốc và 99.350.000đ tiền lãi tính đến hết ngày 14.9.2017.

2. Không chấp nhận số tiền lãi mà bà Trần Thị Lệ H yêu cầu là 33.450.000 đồng (*ba mươi ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H về việc buộc ông Trà Duy P phải chuyển giao tài sản là diện tích đất 150 m² của thửa số 153, tờ bản đồ số 10 tại phường M, quận C, TP Đà Nẵng cho bà Trần Thị Lệ H.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chi khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về Án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trà Duy P phải chịu là 19.967.500 đồng (*Mười chín triệu, chín trăm sáu mươi bảy ngàn, năm trăm đồng*).

- Bà Trần Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.972.500 đồng (*Một triệu, chín trăm bảy mươi hai ngàn, năm trăm đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0006918 ngày 17.4.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại là 7.940.000 đồng (*Bảy triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng*).

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000514 ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng. Như vậy, bà Trần Thị Lệ H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- Lưu HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Hiếu